

Câu	Phần	Nội dung	Điểm																																
1	1/	1/ Biến động theo hàng ngang: <table><tr><th rowspan="2">Chỉ tiêu</th><th rowspan="2">Năm N-1</th><th rowspan="2">Năm N</th><th colspan="2">Năm N/N-1</th></tr><tr><th>±</th><th>%</th></tr><tr><td>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</td><td>238.000</td><td>253.000</td><td>15.000</td><td>6,30</td></tr><tr><td>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</td><td>34.000</td><td>38.000</td><td>4.000</td><td>11,76</td></tr><tr><td>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</td><td>48.000</td><td>62.000</td><td>14.000</td><td>29,17</td></tr><tr><td>3. Phải thu ngắn hạn</td><td>68.000</td><td>73.000</td><td>5.000</td><td>7,35</td></tr><tr><td>4. Hàng tồn kho</td><td>88.000</td><td>80.000</td><td>-8.000</td><td>-9,09</td></tr></table>	Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N	Năm N/N-1		±	%	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	238.000	253.000	15.000	6,30	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	34.000	38.000	4.000	11,76	2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.000	62.000	14.000	29,17	3. Phải thu ngắn hạn	68.000	73.000	5.000	7,35	4. Hàng tồn kho	88.000	80.000	-8.000	-9,09	1,0
Chỉ tiêu	Năm N-1	Năm N				Năm N/N-1																													
			±	%																															
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	238.000	253.000	15.000	6,30																															
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	34.000	38.000	4.000	11,76																															
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.000	62.000	14.000	29,17																															
3. Phải thu ngắn hạn	68.000	73.000	5.000	7,35																															
4. Hàng tồn kho	88.000	80.000	-8.000	-9,09																															
		Nhận xét: Năm N so với năm N-1 Tài sản ngắn hạn năm N so với năm N-1 tăng từ 238.000 lên 253.000 tương ứng giảm 15.000 (tăng 6,30%). Nguyên nhân: - I. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng từ 34.000 lên 38.000 tương ứng tăng 4.000 (tăng 11,76%). Nguyên nhân do tăng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng. - II. ĐT tài chính ngắn hạn tăng từ 48.000 lên 62.000 tương ứng tăng 14.000 (tăng 29,17%). Nguyên nhân do tăng đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ dưới 1 năm. - III. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 68.000 lên 73.000 tương ứng tăng 5.000 (tăng 7,35%). Nguyên nhân do giảm phải thu về cho vay ngắn hạn. - IV. Hàng tồn kho giảm từ 88.000 còn 80.000 tương ứng giảm 8.000 (giảm 9,09%). Nguyên nhân do giảm tồn kho nguyên vật liệu phụ.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,5																																

	Biến động theo hàng dọc:				
	Chỉ tiêu	Tỷ trọng			Biến động tỷ trọng
		Năm N-1	Năm N		N/N-1
	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100,00%	100,00%		/
	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	14,29%	15,02%		0,73%
	2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	20,17%	24,51%		4,34%
	3. Phải thu ngắn hạn	28,57%	28,85%		0,28%
	4. Hàng tồn kho	36,97%	31,62%		-5,35%
	Nhận xét:				
	Năm N so với năm N-1				
	Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm N so với năm N-1 thay đổi. Nguyên nhân:				
	- I. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng từ 14,29% lên 15,02% tương ứng tăng 0,73%. Nguyên nhân do tăng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.				0,25
	- II. ĐT tài chính ngắn hạn tăng từ 20,17% lên 24,51% tương ứng tăng 4,34%. Nguyên nhân do tăng đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ dưới 1 năm.				0,25
	- III. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 28,57% lên 28,85% tương ứng tăng 0,28%. Nguyên nhân do giảm phải thu về cho vay ngắn hạn.				0,25
	- IV. Hàng tồn kho giảm từ 36,97% còn 31,62% tương ứng giảm 5,35%. Nguyên nhân do giảm tồn kho nguyên vật liệu phụ.				0,25
	Năm N-1 1. Tiền và các khoản tương đương tiền 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn 3. Phải thu ngắn hạn 4. Hàng tồn kho Năm N 1. Tiền và các khoản tương đương tiền 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn 3. Phải thu ngắn hạn 4. Hàng tồn kho				0,5
	Cộng điểm phần 1				5,75

2/	Năm N-1: $ROA(N-1) = \frac{124.950}{510.500} = \frac{124.950}{1.780.980} \times \frac{1.780.980}{510.500} = 24,43\% = 7\% \times 3,49$	0,25										
	Năm N: $ROA(N) = \frac{162.000}{533.000} = \frac{162.000}{1.870.000} \times \frac{1.870.000}{533.000} = 30,39\% = 8,66\% \times 3,51$	0,25										
	Nhận xét: ROA năm N so với năm N-1 tăng từ 24,43% lên 30,39% tương ứng tăng 5,96%, chứng tỏ hiệu quả sử dụng các tài sản đã nâng cao, đây là nhân tố thúc đẩy các nhà quản trị mở rộng quy mô sản xuất. Việc tăng đó là do ảnh hưởng của 2 nhân tố sau: - Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS): tăng từ 7% lên 8,66% tương ứng tăng 1,66%, chứng tỏ khả năng kiểm soát chi phí tốt. - Số vòng quay tài sản (SOA): tăng từ 3,49 vòng lên 3,51 vòng tương ứng tăng 0,02 vòng, chứng tỏ sức sản xuất của tài sản đã nâng cao, đây là nhân tố tích cực.	0,25 0,25										
	Cộng điểm phần 2	1,25										
	Tổng điểm Câu I	7,0đ										
2	- Chọn đúng doanh nghiệp, mỗi ý 0,25đ => 0,25x4 = 1,0đ - Lý luận đúng, mỗi ý 0,5đ => 0,5x4 = 2,0đ <table><tr><th>Doanh nghiệp</th><th>Tên doanh nghiệp</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh nghiệp C</td></tr><tr><td>2</td><td>Ngân hàng A</td></tr><tr><td>3</td><td>Công ty B</td></tr><tr><td>4</td><td>Công ty điện lực D</td></tr></table>	Doanh nghiệp	Tên doanh nghiệp	1	Doanh nghiệp C	2	Ngân hàng A	3	Công ty B	4	Công ty điện lực D	1,0
	Doanh nghiệp	Tên doanh nghiệp										
1	Doanh nghiệp C											
2	Ngân hàng A											
3	Công ty B											
4	Công ty điện lực D											
	- Hàng tồn kho = 0 => chỉ có thể là ngân hàng A, E và công ty B Trong đó: - Doanh nghiệp 2 là ngân hàng A vì trong 3 doanh nghiệp, đây là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu lớn nhất. - Doanh nghiệp 3 là công ty B vì sau khi loại trừ ngân hàng A (đã lý luận ở trên), ngân hàng E (có vốn chủ sở hữu 51%). - Doanh nghiệp 1 là doanh nghiệp C vì là công ty chuyên về tài chính nên đầu tư tài chính dài hạn là lớn nhất. - Cuối cùng, doanh nghiệp 4 là công ty điện lực D vì có vốn chủ sở hữu lớn và sau	2,0										

		khí loại trừ ngân hàng A, E, công ty B, doanh nghiệp C (đã lý luận ở trên), và là doanh nghiệp không có đặc điểm vốn chủ sở hữu 51% và 100%	
		Tổng điểm Câu II	3,0đ